

Ngày thi: 13/10/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20		25						55	100			
1	168222769	HỒ XUÂN ANH	T16XDCB	8.5		6							7.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
2	168222770	TRỊNH QUANG BỘ	T16XDCB	8		6							7	7.0	Bảy	
3	168222771	HỒ THANH CAO	T16XDCB	7		7							7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
4	168222772	BÙI LỘNG CHUÔNG	T16XDCB	8.5		5							6.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
5	168222773	PHẠM VĂN ĐẠI	T16XDCB	6		6.5							5	5.6	Năm phẩy Sáu	
6	168222774	TRẦN ĐÌNH ĐỊNH	T16XDCB	8.5		7							7	7.3	Bảy phẩy Ba	
7	168222775	NGUYỄN HÒA ĐÔNG	T16XDCB	7.5		7							5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
8	168222776	NGUYỄN ĐÌNH HOÀN	T16XDCB	6		6.5							6	6.1	Sáu phẩy Một	
9	168222777	HỒ SỸ HÙNG	T16XDCB	8		8							7	7.5	Bảy phẩy Năm	
10	168222778	DƯƠNG CÔNG LÝ	T16XDCB	7.5		8							HP	0.0	Không	
11	168222779	PHAN VĂN MINH	T16XDCB	8		8							7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu	
12	168222780	LÊ ĐỨC NAM	T16XDCB	7.5		7.5							4	5.6	Năm phẩy Sáu	
13	168222781	LIÊU MINH NGẠN	T16XDCB	7		5							6.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
14	168222782	PHẠM VĂN TẶNG	T16XDCB	9.5		6							V	0.0	Không	
15	168222783	MAI THANH THÁI	T16XDCB	9.5		8							8	8.3	Tám phẩy Ba	
16	168222784	TRẦN CÔNG THẮNG	T16XDCB	9.5		8							6.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
17	168222785	LÊ TẤN THANH	T16XDCB	7.5		7							5.3	6.2	Sáu phẩy Hai	
18	168222787	LÊ MẬU THÌNH	T16XDCB	6		6.5							5	5.6	Năm phẩy Sáu	
19	168222790	NGUYỄN VĂN TUYỀN	T16XDCB	9.5		6							7	7.3	Bảy phẩy Ba	
20	168222791	PHAN QUỐC VIỆT	T16XDCB	7		6							5	5.7	Năm phẩy Bảy	
21	168222792	VÕ QUANG VINH	T16XDCB	7		7.5							5	6.0	Sáu	
22	4768	HUỶNH ANH VINH	K13XDC	9.5		6							5	6.2	Sáu phẩy Hai	42262

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	20	91%	
2	Số sinh viên nợ	2	9%	
<b>TỔNG CỘNG :</b>		<b>22</b>	<b>100%</b>	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 11 năm 2013  
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH  
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân